| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN ND KHU VỰC 7**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2025
*V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, chia tài sản chung.*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà***:** Bà Ngô Thị Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Lê Thị Tâm và ông Phạm Ngọc Dung.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Hương Trà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thúy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, về việc: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng, chia tài sản chung"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị X - Sinh năm: 1967;

Số CCCD: 038167011769; Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự và xã hội, cấp ngày 04/12/2021.

Địa chỉ: Số nhà 4/10, đường TDT, khu 3, xã V L, tỉnh Thanh Hoá. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1966

Trú tại: Số nhà 4/10, đường TDT, khu 3, xã V L, tỉnh Thanh Hoá. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc: "Không công nhận là vợ chồng, chia tài sản chung" đề ngày 26/5/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Hồ Thị X trình bày:

1. Về hôn nhân: Bà Hồ Thị X và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Từ cuối năm 2023 đến nay, bà X, ông H vẫn sống chung cùng nhà nhưng ly thân nhau, không còn quan tâm đến

nhau nữa. Nay bà X xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có nên đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà X và ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Bà X và ông H có 02 con chung tên là Nguyễn Văn L, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình riêng và tự lập được nên bà X không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Hồ Thị X và ông Nguyễn Văn H có các tài sản chung như sau: 01 Thửa số 32, tờ bản đồ số 07, diện tích là 84m$^2$, (Đất ở là 57m$^2$, đất vườn là 27m$^2$. Tên người sử dụng đất là hộ ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ thửa đất: Khu 3, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trị giá là 855.000.000 đồng (tám trăm năm mươi lăm triệu đồng); 01 thửa đất số 40, tờ bản đồ số 07, diện tích là 242m$^2$ (Đất ở là 200m$^2$, đất vườn là 42m$^2$). Tên người sử dụng đất là hộ Nguyễn Văn H; Địa chỉ thửa đất: Khu 3, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trị giá là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). 01 ngôi nhà cấp 4, 03 gian xây tường, lợp ngói (chắn mái) xây dựng năm 1999; 01 gian nhà ngang; 01 nhà bếp 01 gian và công trình phụ được xây dựng trên thửa đất số 40, tờ bản đồ số 07, diện tích là 242m$^2$ (Đất ở là 200m$^2$, đất vườn là 42m$^2$). Tên người sử dụng đất là hộ Nguyễn Văn H; Địa chỉ thửa đất: Khu 3, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trị giá là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Bà Hồ Thị X đề nghị chia đôi tài sản chung theo quy định của pháp luật.

4. Về công nợ chung: Vợ chồng không cho ai vay nợ và không vay nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hồ Thị X đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản và công nợ chung, cụ thể: Về tài sản và công nợ chung: Bà X và ông H tự thoả thuận phân chia, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2025 bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị X tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Ông H và bà X chung sống với nhau hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ năm 2023 đến nay, ông H và bà X vẫn sống chung nhà nhưng ly thân nhau. Nay bà X yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà X, ông H cũng nhất trí và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị X có 02 con chung tên là Nguyễn Văn Linh, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình riêng và tự lập được nên ông H không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông H và bà X tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 03/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa, xác định: Bà Hồ Thị X, sinh năm 1967 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 cùng trú tại Khu 3, xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa; có quê quán trước đây ở xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Bà X và ông H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Thành, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Qua kiểm tra lưu trữ hộ tịch về xác nhận tình trạng hôn nhân, đăng ký kết hôn tại xã Vĩnh Thành, xác định: Bà Hồ Thị X và ông Nguyễn Văn H không có đăng ký kết hôn. Sổ gốc xác nhận tình trạng hôn nhân, đăng ký kết hôn từ năm 1989 đến nay không lưu trữ hồ sơ kết hôn của bà X và ông H. Bà X và ông H trước và sau khi cưới nhau đều sinh sống tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc (Nay là xã Vĩnh Lộc), tỉnh Thanh Hoá nên UBND không cấp giấy giới thiệu để bà X, ông H đi đăng ký kết hôn ở địa phương khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa:

- Về Tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách đương sự, vụ án giải quyết đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 9, 14, khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 3 điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

- Đình chỉ yêu cầu của bà Hồ Thị X về chia tài sản chung và công nợ chung.

- Về hôn nhân: Tuyên bố: Bà Hồ Thị X và ông Nguyễn Văn H không phải là vợ chồng.

- Về án phí: Bà Hồ Thị X phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Hồ Thị X có đơn khởi kiện về việc: "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng" đối với ông Nguyễn Văn H, có hộ khẩu thường trú tại xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án: " Không công nhận quan hệ vợ chồng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá. Bà Hồ Thị X và ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị X và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1989 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà X và ông H đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị X và ông Nguyễn Văn H.

Xét thấy: Bà Hồ Thị X và ông Nguyễn Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 cho đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc kết hôn của bà X, ông H đã không tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên không có giá trị pháp lý. Bà X, ông H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà X và ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị X và ông Nguyễn Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà X và ông H có 02 con chung, tên là Nguyễn Văn Linh, sinh năm 1989 và Nguyễn Thị Như Quỳnh, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình riêng và tự lập nên bà X, ông H không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2025, bà X yêu cầu giải quyết về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 02/7/2025 bà X có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung và công nợ chung. Tại bản tự khai đề ngày 03/7/2025, ông Nguyễn Văn H đề nghị tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà X về tài sản và công nợ chung là phù hợp.

[5] Về án phí: Bà Hồ Thị X phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà X số tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo quy định của pháp luật.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 97; Khoản 4 Điều 147; điều 271 và điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 3 điều 18 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ yêu cầu của bà Hồ Thị X về chia tài sản và công nợ chung.

2. Về Hôn nhân:

Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hồ Thị X và ông Nguyễn Văn H.

3. Về án phí: Bà Hồ Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 13.850.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0006271 ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

Trả lại cho bà X số tiền tạm ứng án phí chia tài sản là 13.550.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị X, ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Tuyết**